

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN

KHÁCH SẠN ĐÔNG Á



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/9/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71,715,161,866	41,162,617,971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5,537,038,075	1,708,884,533
1. Tiền	111	V.1	5,537,038,075	1,708,884,533
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	0	250,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	250,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57,430,861,968	16,986,551,168
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18,010,543,791	12,919,378,163
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20,927,896,906	317,710,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	18,492,421,271	3,749,463,005
IV. Hàng tồn kho	140		4,756,158,239	14,586,522,325
1. Hàng tồn kho	141	V.6	4,756,158,239	14,586,522,325
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,991,103,584	7,630,659,945
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	581,568,780	219,491,441
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,318,841,968	7,322,475,668
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	90,692,836	88,692,836
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		615,185,361,968	355,891,961,605
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		598,787,775,190	332,798,099,758
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	531,646,261,931	324,226,514,196
<i>Nguyên giá</i>	222		558,554,812,831	340,919,237,936
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26,908,550,900)	(16,692,723,740)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	67,141,513,259	8,571,585,562
<i>Nguyên giá</i>	228		68,337,360,000	9,477,360,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,195,846,741)	(905,774,438)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	0	21,167,683,942
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	21,167,683,942
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16,397,586,778	1,926,177,905
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	16,366,456,855	1,901,164,405
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	31,129,923	25,013,500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		686,900,523,834	397,054,579,576



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30/9/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		320,267,059,849	277,903,390,799
I. Nợ ngắn hạn	310		69,928,572,298	113,075,785,694
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6,080,653,627	3,930,247,956
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		250,415,740	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	6,093,556,305	2,274,457,644
4. Phải trả người lao động	314		812,770,177	497,970,042
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	315,344,494	610,603,519
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	1,223,936,362	684,596,442
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	2,468,896,539	4,887,369,795
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	52,682,999,054	100,190,540,296
II. Nợ dài hạn	330		250,338,487,551	164,827,605,105
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	300,076,439	885,145,226
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1,521,500,000	1,595,200,000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	248,516,911,112	162,347,259,879
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		366,633,463,985	119,151,188,777
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	366,633,463,985	119,151,188,777
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342,000,000,000	114,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342,000,000,000	114,000,000,000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		24,633,463,985	5,151,188,777
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5,151,188,777	(839,569,898)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19,482,275,208	5,990,758,675
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		686,900,523,834	397,054,579,576

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

DN

Trần Thị Mai Toan

Kế toán trưởng

BPM

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Thanh

Nguyễn Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3	
			Năm 2016 đ	Năm 2016 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	47,221,398,636	128,385,956,150
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	16,923,776	61,520,632
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	47,204,474,860	128,324,435,518
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	29,949,640,752	81,423,324,959
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17,254,834,108	46,901,110,559
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	981,551	5,686,078
6. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.6	6,694,612,816	19,797,997,414
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,694,612,816	19,797,997,414
7. Chi phí bán hàng	25	V.7a	246,334,271	878,040,192
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.7b	1,078,049,428	2,813,433,011
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9,236,819,144	23,417,326,020
10. Thu nhập khác	31	V.8	11,087,196	1,659,590,751
11. Chi phí khác	32	V.9	180,939,646	640,212,133
12. Lợi nhuận khác	40		(169,852,450)	1,019,378,618
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,066,966,694	24,436,704,638
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	1,812,294,365	4,960,545,853
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(6,116,423)	(6,116,423)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,260,788,752	19,482,275,208
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	212.30	569.66
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.14	212.30	569.66

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Mai Toan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc



Tổng giám đốc

Nguyễn Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 3 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	129,395,443,623
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(110,882,916,195)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(5,778,064,437)
4 Tiền lãi vay đã trả	04	(19,777,367,122)
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1,156,041,400)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12,118,447,128
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15,971,901,807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12,052,400,210)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(78,642,538,000)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	7,605,789,773
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	250,000,000
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5,191,988
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(70,781,556,239)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	48,000,000,000
2 Tiền thu từ đi vay	33	330,440,618,840
3 Tiền trả nợ gốc vay	34	(291,778,508,849)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	86,662,109,991
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3,828,153,542
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,708,884,533
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,537,038,075

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Trần Thị Mai Toàn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc



Tổng giám đốc

Nguyễn Văn Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đông Á được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Thanh Tùng. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn khách sạn Đông Á theo Quyết định số 48/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 20/10/2015 của Đại hội đồng cổ đông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600349907 đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, đăng ký thay đổi lần 18 ngày 23/3/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trụ sở chính: Phòng C301 tầng 3, tòa nhà Trung tâm Thương mại Đông Á, số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/9/2016 là **342.000.000.000 đồng** (Ba trăm bốn mươi hai tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2016, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là cho thuê tài sản, dịch vụ lưu trú ngắn ngày và bán hàng hoá.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

4.1 Tổng số các Công ty con

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 (một) công ty con.

Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có

4.2 Danh sách các Công ty con

Tại ngày 30/9/2016, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

- Tên Công ty: Công ty TNHH Đông Á Nha Trang.

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201676934, đăng ký lần đầu ngày 19/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

- Địa chỉ: 04 Tôn Đản, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Vốn điều lệ: 76.000.000.000 đồng (Bảy mươi sáu tỷ đồng).

- Vốn thực góp tại 30/9/2016: 0 đồng.

4.3 Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: không có.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (đ).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: Theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

5.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

5.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện (tiếp theo)

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản...

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp nghiệm thu trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay và các khoản chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu về cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền

	30/9/2016		01/01/2016	
		đ	Ngoại tệ	đ
Tiền mặt tại quỹ	4,973,994,226			208,407,495
Tiền gửi ngân hàng	563,043,849			1,500,477,038
+ Tiền gửi ngân hàng Đồng Việt Nam	560,842,149			1,500,477,038
- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN thành phố Thái Nguyên	51,141,428			215,750,813
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	5,386,235			3,865,180
- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	768,428			768,428
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội	14,168,879			1,253,459
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	27,584,962			0
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá	1,260,431			1,260,431
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên	447,522,992			1,020,231,956
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	9,854,478			257,346,771
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hoà	1,136,868			0
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Khánh Hoà	2,017,448			0
+ Tiền gửi ngân hàng USD	2,201,700		0.00	0
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hoà	2,201,700		0.00	0
Cộng	5,537,038,075		0.00	1,708,884,533

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/9/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1. Ngắn hạn	0	0	250,000,000	250,000,000
Cho vay Ông Phạm Văn Tuấn	0	0	250,000,000	250,000,000
Cộng	0	0	250,000,000	250,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. Phải thu khách hàng

	30/9/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	18,010,543,791	0	12,919,378,163	0
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thảo Trang	11,325,543,223	0	1,914,488,400	0
Doanh nghiệp tư nhân Thành Nguyễn Gia Sàng	1,191,044,360	0	2,300,016,030	0
BQL và điều hành dự án các công trình XDCB huyện Phổ Yên	103,298,154	0	5,164,907,700	0
Công ty CP Luyện cán thép Gia Sàng	677,398,585	0	677,398,585	0
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO	532,481,578	0	1,014,220,578	0
Công ty TNHH Sơn Nam	1,210,000,000	0	863,688,870	0
Công ty CP Tư vấn xây dựng và Thương mại Quyết Tiến		0	240,504,000	0
Các đối tượng khác	2,970,777,891		744,154,000	
Cộng	18,010,543,791	0	12,919,378,163	0

4. Trả trước cho người bán

	30/9/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	20,927,896,906	0	317,710,000	0
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thảo Trang	20,000,000,000	0	0	0
Công ty CP Kiến trúc Tiêu Điểm	100,000,000	0	100,000,000	0
CN Giao dịch Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam		0	116,000,000	0
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Phương Thảo GH	0	0	95,810,000	0
Công ty CP Kiến trúc và Xây dựng HML	500,000,000			
Các đối tượng khác	327,896,906	0	5,900,000	0
Cộng	20,927,896,906	0	317,710,000	0

5. Phải thu khác

	30/9/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	18,492,421,271	0	3,749,463,005	0
Phải thu về chi hộ BHXH	16,827,387	0	66,623,789	0
Tạm ứng cho Ban quản lý dự án	867,041,067	0	3,582,667,026	0
Tạm ứng Ông Nguyễn Văn Thảo tiền thực hiện dự án tại Nha Trang	16,097,552,817	0	0	0
Tạm ứng Ông Nguyễn Văn Thanh tiền thực hiện dự án tại Nha Trang	1,500,000,000	0	0	0
Phải thu về tạm ứng	11,000,000	0	0	0
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	0	0	100,172,190	0
Cộng	18,492,421,271	0	3,749,463,005	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Hàng tồn kho

	30/9/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1,572,659,252	0	535,841,646	0
Công cụ, dụng cụ	484,783,217	0	645,859,443	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	298,584,703	0	298,584,703	0
Hàng hóa	2,400,131,067	0	13,106,236,533	0
Cộng giá gốc hàng tồn kho	4,756,158,239	0	14,586,522,325	0

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	270,380,583,431	56,661,181,105	13,615,191,454	159,620,400	102,661,546	340,919,237,936
Tăng do mua sắm	40,494,289,053	0	3,719,900,000	0	0	44,214,189,053
Tăng khác (*)	162,109,705,000	4,801,210,000	0	0	13,089,085,000	180,000,000,000
Tăng khác						0
Thanh lý, nhượng bán	(2,640,614,158)	0	(3,938,000,000)	0	0	(6,578,614,158)
Tại ngày 30/9/2016	470,343,963,326	61,462,391,105	13,397,091,454	159,620,400	13,191,746,546	558,554,812,831
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	12,695,652,197	1,634,948,388	2,338,367,697	18,622,380	5,133,078	16,692,723,740
Khấu hao trong kỳ	6,782,162,629	3,252,966,042	970,227,240	23,943,060	165,464,083	11,194,763,054
Thanh lý, nhượng bán	(243,071,129)	0	(735,864,765)	0	0	(978,935,894)
Tại ngày 30/9/2016	19,234,743,697	4,887,914,430	2,572,730,172	42,565,440	170,597,161	26,908,550,900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	257,684,931,234	55,026,232,717	11,276,823,757	140,998,020	97,528,468	324,226,514,196
Tại ngày 30/9/2016	451,109,219,629	56,574,476,675	10,824,361,282	117,054,960	13,021,149,385	531,646,261,931

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	9,363,360,000	114,000,000	9,477,360,000
Tăng do mua sắm	58,500,000,000	360,000,000	58,860,000,000
Tại ngày 30/9/2016	67,863,360,000	474,000,000	68,337,360,000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	867,774,438	38,000,000	905,774,438
Khấu hao trong năm	249,083,415	40,988,888	290,072,303
Tại ngày 30/9/2016	1,116,857,853	78,988,888	1,195,846,741
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	8,495,585,562	76,000,000	8,571,585,562
Tại ngày 30/9/2016	66,746,502,147	395,011,112	67,141,513,259

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Tài sản dở dang dài hạn

	30/9/2016	01/01/2016
b. Xây dựng cơ bản dở dang	0	21,167,683,942
Công trình Khách sạn Đông Á 2	0	5,976,900,000
Công trình Trung tâm dưỡng lão và du lịch sinh thái Hồ Núi Cốc	0	15,065,783,942
Phần mềm quản lý khách sạn và kế toán Nhị Hà	0	125,000,000
Cộng	0	21,167,683,942

10. Chi phí trả trước

	30/9/2016	01/01/2016
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	581,568,780	297,700,334
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	281,749,880	153,808,893
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	299,818,900	143,891,441
b. Chi phí trả trước dài hạn	16,366,456,855	1,822,955,511
Chi phí sửa chữa, bảo trì Khách sạn Đông Á 2	9,355,203,408	0
Chi phí sửa chữa, bảo trì Khách sạn Đông Á 3	3,888,443,245	0
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1,296,087,702	1,720,402,799
Chi phí trả trước dài hạn khác	1,826,722,500	102,552,712
Cộng	16,948,025,635	2,120,655,845

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/9/2016	01/01/2016
a- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	31,129,923	25,013,500
Cộng	31,129,923	25,013,500

12. Phải trả người bán

	30/9/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	6,080,653,627	6,080,653,627	3,930,247,956	3,930,247,956
Công ty TNHH Hải Đăng	1,650,000,000	1,650,000,000	0	0
Doanh nghiệp tư nhân kim khí Luyến Dung		0	0	0
Vũ Thị Thúy	939,740,000	939,740,000	0	0
Công ty TNHH Điện lạnh Thái Nguyên	521,840,000	521,840,000	521,840,000	521,840,000
Công ty CP Tư vấn xây dựng và Thương mại Quyết Tiến		0	2,382,083,979	2,382,083,979
Công ty TNHH Sinh Sáng		0	0	0
Doanh nghiệp tư nhân Đông Huyền		0	138,379,544	138,379,544
Doanh nghiệp tư nhân Xá Thăng Long	300,150,000	300,150,000	150,000,000	150,000,000
Các nhà cung cấp khác	2,668,923,627	2,668,923,627	737,944,433	737,944,433
Cộng	6,080,653,627	6,080,653,627	3,930,247,956	3,930,247,956

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/9/2016
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	272,538,931	795,665,545	540,694,922	527,509,554
Thuế tiêu thụ đặc biệt	8,666,328	52,429,723	44,142,274	16,953,777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,501,884,658	4,960,545,853	1,154,041,400	5,308,389,111
Thuế thu nhập cá nhân	13,009,201	1,691,540	14,700,741	0
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	478,358,526	337,259,799	576,439,062	239,179,263
Thuế môn bài	0	14,000,000	14,000,000	0
Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường	0	8,859,400	7,334,800	1,524,600
Cộng	2,274,457,644	6,170,451,860	2,351,353,199	6,093,556,305
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	88,692,836	0	2,000,000	90,692,836
Cộng	88,692,836	0	2,000,000	90,692,836

14. Chi phí phải trả

	30/9/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn	315,344,494	610,603,519
Lãi vay phải trả	315,344,494	294,714,202
Công trình "Kè đả và bãi đỗ xe ô tô Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên"	0	315,889,317
Cộng	315,344,494	610,603,519

15. Doanh thu chưa thực hiện

	30/9/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn	1,223,936,362	684,596,442
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1,223,936,362	684,596,442
Cộng	1,223,936,362	684,596,442
b. Dài hạn	300,076,439	885,145,226
Doanh thu cho thuê mặt bằng	300,076,439	885,145,226
Cộng	300,076,439	885,145,226

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Phải trả khác

	<u>30/9/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
a. Ngắn hạn	2,450,669,152	4,887,369,795
Kinh phí công đoàn	417,370	417,370
Bảo hiểm xã hội	4,787,869	35,396,942
Phải trả đội Nguyễn Văn Nam tiền ứng vốn thi công	1,896,366,011	4,346,350,021
Phải trả đội Lương Khắc Giới tiền ứng vốn thi công	320,217,902	463,598,189
Công ty Adviors đặt cọc tiền thuê địa điểm	38,880,000	38,880,000
Công ty TNHH Surasung VN đặt cọc tiền thuê điểm	100,000,000	0
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential VN	90,000,000	0
Phải trả khác	0	2,727,273
b. Dài hạn	1,521,500,000	1,595,200,000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,521,500,000	1,595,200,000
Cộng	<u>3,972,169,152</u>	<u>6,482,569,795</u>

334990
 NG T
 PHÁ
 P ĐO
 KH S
 ĐÔNG
 YÊN - T.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

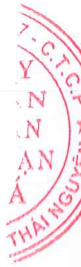
Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. Vay và nợ thuế tài chính**

	30/9/2016	Tăng	Giảm	01/01/2016
a- Ngắn hạn (*)				
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam- CN	5,997,484,471	7,879,788,481	7,875,225,939	5,992,921,929
Thành phố Thái Nguyên	19,974,970,436	21,727,435,417	20,621,909,733	18,869,444,752
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	19,990,544,147	34,812,638,692	43,636,660,850	28,814,566,305
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên	6,720,000,000	15,110,000,000	54,903,607,310	46,513,607,310
Vay ngắn hạn cá nhân	0	7,800,000,000	41,962,647,310	34,162,647,310
Ông Nguyễn Văn Thanh	0	1,500,000,000	6,950,960,000	5,450,960,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	1,500,000,000	1,500,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000
Bà Đỗ Thị Bình	600,000,000	330,000,000	670,000,000	940,000,000
Bà Trần Thị Thủy	800,000,000	1,600,000,000	1,600,000,000	800,000,000
Bà Trần Thị Sáu	0	0	630,000,000	630,000,000
Bà Phương Thị Yên	610,000,000	270,000,000	340,000,000	340,000,000
Bà Trần Thị Bích Thủy	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	0	500,000,000	670,000,000	170,000,000
Bà Nguyễn Thu Giang	2,910,000,000	1,610,000,000	1,420,000,000	2,720,000,000
Vay ngắn hạn cá nhân khác	52,682,999,054	79,529,862,590	127,037,403,832	100,190,540,296
Cộng				
b- Dài hạn (**)				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	5,500,000,000		3,300,000,000	8,800,000,000
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam- CN	95,000,000		190,000,000	285,000,000
Thành phố Thái Nguyên	2,997,800,000	5,910,756,250	156,112,216,129	153,199,259,879
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên	239,861,111,112	245,000,000,000	5,138,888,888	0
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội	63,000,000			63,000,000
Vay dài hạn cá nhân	63,000,000			63,000,000
Ông Hoàng Trung Thao	248,516,911,112	250,910,756,250	164,741,105,017	162,347,259,879
Cộng				



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**(*) Chi tiết Vay ngắn hạn:****Vay ngắn hạn ngân hàng:**

Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Số dư Gốc vay tại 30/9/2016
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN thành phố Thái Nguyên					
8501LDS STT20	6	9.0%	4/29/2016	10/29/2016	321,718,265
8501LDS-STT21	6	9.0%	5/4/2016	11/4/2016	387,510,765
8501LDS-STT22	6	9.0%	5/30/2016	11/30/2016	416,042,565
8501LDS STT23	6	9.0%	6/3/2016	12/3/2016	199,500,000
8501LDS STT24	6	9.0%	6/8/2016	12/8/2016	278,782,940
8501LDS STT25	6	9.0%	6/17/2016	12/17/2016	1,166,356,987
8501LDS STT26	6	9.0%	6/23/2016	12/23/2016	1,004,342,316
8501LDS STT27	6	9.0%	6/29/2016	12/29/2016	532,680,090
8501LDS STT28	6	9.0%	7/4/2016	1/4/2017	199,500,000
8501LDS STT29	6	9.0%	7/11/2016	1/11/2017	552,208,305
8501LDS STT01	6	9.0%	7/28/2016	1/28/2017	540,142,238
8501LDS STT02	6	9.0%	8/2/2016	2/2/2017	199,700,000
8501LDS STT03	6	9.0%	9/1/2016	3/1/2017	199,000,000
Cộng					5,997,484,471
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên					
29	6	8.0%	5/18/2016	11/18/2016	1,387,138,073
28	6	8.0%	5/16/2016	11/16/2016	1,463,929,834
30	6	8.0%	5/19/2016	11/19/2016	2,717,581,786
01	6	8.0%	6/13/2016	12/13/2016	2,653,355,628
02	6	8.0%	6/14/2016	12/14/2016	2,791,612,000
03	6	8.0%	6/15/2016	12/15/2016	5,084,667,665
04	6	8.0%	6/16/2016	12/16/2016	999,729,121
05	6	8.0%	6/17/2016	12/17/2016	1,132,615,676
06	6	8.0%	7/7/2016	7/1/2017	1,101,094,775
07	6	8.0%	7/11/2016	1/11/2017	247,682,600
08	6	8.0%	9/15/2016	3/15/2017	93,783,660
09	6	8.0%	9/30/2016	3/30/2017	301,779,618
Cộng					19,974,970,436

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết Vay ngắn hạn (tiếp theo):

Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo):

Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Số dư Gốc vay tại 30/9/2016
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên					
293/16/HDTD/119-79	6	9.0%	4/6/2016	10/6/2016	196,896,075
299/16/HDTD/119-79	6	9.0%	4/8/2016	10/8/2016	922,686,432
312/16/HDTD/119-79	6	9.0%	4/12/2016	10/12/2016	813,007,268
342/16/HDTD/119-79	6	9.0%	4/20/2016	10/20/2016	514,596,169
356/16/HDTD/119-79	6	9.0%	4/22/2016	10/22/2016	388,945,072
435/16/HĐTĐ/119-19	6	9.0%	5/19/2016	11/19/2016	497,449,948
413/16/HĐTĐ/119-79	6	9.0%	5/12/2016	11/12/2016	1,620,022,640
524/16/HDTD/119-79	6	9.0%	6/21/2016	12/21/2016	500,355,621
560/16/HDTD/119-79	6	9.0%	7/5/2016	1/5/2017	1,219,210,776
572/16/HDTD/119-79	6	9.0%	7/7/2016	1/7/2017	486,268,310
591/16/HDTD/119-79	6	9.0%	7/13/2016	1/13/2017	1,432,269,600
597/16/HDTD/119-79	6	9.0%	7/19/2016	1/19/2017	1,375,571,750
611/16/HDTD/119-79	6	9.0%	7/20/2016	1/20/2017	492,755,091
615/16/HDTD/119-79	6	9.0%	7/21/2016	1/21/2017	1,100,074,191
661/16/HDTD/119-79	6	9.0%	8/4/2016	2/4/2017	202,134,584
685/16/HDTD/119-79	6	9.0%	8/12/2016	2/12/2017	447,573,845
704/16/HDTD/119-79	6	9.0%	8/17/2016	2/17/2017	414,761,800
709/16/HDTD/119-79	6	9.0%	8/19/2016	2/18/2017	481,334,624
715/16/HDTD/119-79	6	9.0%	8/22/2016	2/22/2017	549,306,951
721/16/HDTD/119-79	6	9.0%	8/23/2016	2/23/2017	485,025,013
738/16/HDTD/119-79	6	9.0%	8/29/2016	2/29/2017	602,760,000
742/16/HDTD/119-79	6	9.0%	8/30/2016	2/30/2017	560,875,164
762/16/HDTD/119-79	6	9.0%	9/6/2016	3/9/2017	209,492,080
01/2016/KUNN/833/16/119-79	6	9.0%	9/27/2016	3/27/2017	3,412,546,272
02/2016/KUNN/833/16/119-79	6	9.0%	9/28/2016	3/28/2017	540,905,790
03/2016/KUNN/833/16/119-79	6	9.0%	9/30/2016	3/30/2017	523,719,081
Cộng					19,990,544,147

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tel: 02803 651 967

Fax: 02803 758 468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Vay ngắn hạn cá nhân:

Tên Cá nhân	Số hợp đồng vay/ Số khế ước	Ngày HĐ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số dư Gốc vay tại 30/9/2016
Bà Đỗ Thị Bình	04.1/T6/2016/HDVV- NH	28/6/2016	12	0%	1,500,000,000
Cộng					1,500,000,000
Bà Trần Thị Thủy	05.1/T1/2016/HDVV- NH	01/01/2016	12	0%	600,000,000
Cộng					600,000,000
Bà Trần Thị Sáu	01.7/T7/2016/HDVV- NH	01/7/2016	12	0%	800,000,000
Cộng					800,000,000
	07.T1/2015/HDVV- NH và PL01/07.T1/2015/HD VV-NH	01/01/2015	12	0%	130,000,000
Bà Trần Thị Bích Thủy	04.T8/2015/HDVV- NH	01/8/2015	12	0%	100,000,000
	03.T10/2015/HDVV- NH	10/1/2015	12	0%	110,000,000
	01.T1/2016/HDVV- NH	1/1/2016	12	0%	270,000,000
Cộng					610,000,000
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	02.T10/2015/HDVV- NH	01/10/2015	12	0%	300,000,000
Cộng					300,000,000
Bà Đinh Thị Hân	02.T3/2015/HDVV- NH và PL01/02.T3/2015/HD VV-NH	01/3/2015	12	0%	500,000,000
Cộng					500,000,000
Nguyễn Đình Đức	02.7/T7/2016/HDVV	02/07/2016	12	0%	150,000,000
Cộng					150,000,000
Nguyễn Thế Phong	02.T10/2014/HDVV- NH và PL02/02.T10/2014/HD VV-NH	01/10/2014	12	0%	100,000,000
Cộng					100,000,000
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	03.T1/2015/HDVV- NH và PL01/03.T1/2015/HD VV-NH	01/01/2015	12	0%	130,000,000
Cộng					130,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**(*) Chi tiết Vay ngắn hạn (tiếp theo):****Vay ngắn hạn cá nhân (tiếp theo):**

Bà Nguyễn Thị Nhẫn	26.7/T7/2016/HDVV	26/07/2016	12	0%	100,000,000
Cộng					100,000,000
Bà Nguyễn Thị Kim Nhung	03.8/T8/2016/HDVV	03/8/2016	12	0%	100,000,000
Cộng					100,000,000
<hr/>					
Bà Nguyễn Thị Nhạn	03.T4/2014/HDVV-NH và PL02/03.T4/2014/HDVV-NH	01/4/2014	12	0%	100,000,000
	04.T1/2015/HDVV-NH và PL01/04.T1/2015/HDVV-NH	01/01/2015	12	0%	100,000,000
Cộng					200,000,000
Ông Nguyễn Trường Khánh	26.7/T7/2016/HDVV	26/07/2016	12	0%	300,000,000
Cộng					300,000,000
Bà Phương Thị Nga	11.7/T7/2016/HDVV	11/07/2016	12	0%	200,000,000
Cộng					200,000,000
Bà Vũ Thu Hương	13.7/T7/2016/HDVV	13/7/2016	12	0%	360,000,000
Cộng					360,000,000
Ông Từ Văn Trung	01.T10/2015/HDVV-NH	01/10/2015	12	0%	500,000,000
Cộng					500,000,000
Bà Vũ Thị Hồng	05.T3/2014/HDVV-NH và PL02/05.T3/2014/HDVV-NH	01/3/2014	12	0%	100,000,000
	Cộng				
Trần Thị Bích Thủy Đông Á Plaza	10.8.T08/2016/HDVV-NH	10/8/2016	12	0%	170,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**(**) Chi tiết Vay dài hạn:****Vay dài hạn ngân hàng:**

Số hợp đồng vay/ Số kế ước	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Số dư Gốc vay tại 30/9/2016
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên					
01	72	10.0%	16/4/2015	16/4/2021	2,358,985,677
02	72	10.0%	25/4/2015	16/4/2021	0
03	72	10.0%	21/5/2015	16/4/2021	441,014,323
04	72	10.0%	27/5/2015	16/4/2021	2,700,000,000
Cộng					5,500,000,000
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN thành phố Thái Nguyên					
8501-LDS-201402552	36	11.0%	04/3/2014	04/3/2017	95,000,000
Cộng					95,000,000
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Thái Nguyên					
119TH1400007	48	12.8%	05/6/2014	05/6/2018	183,800,000
087/14/HĐTD/119-11	48	12.5%	19/3/2015	19/3/2019	439,000,000
371/16/HĐCV/119-79	60	9.5%	4/29/2016	4/29/2021	2,375,000,000
Cộng					2,997,800,000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội					
106.0108/2016/HĐTD-DN/PGBH	144	8.8%	2/2/2016	2/2/2028	28,000,000,000
106.0108/2016/HĐTD-DN/PGBH	144	8.8%	2/2/2016	2/2/2028	12,000,000,000
106.0108/2016/HĐTD-DN/PGBH	144	8.8%	2/4/2016	2/2/2028	15,500,000,000
106.0108/2016/HĐTD-DN/PGBH	144	8.8%	2/4/2016	2/2/2028	4,500,000,000
106.0506/2016/HĐTD-DN/PGBH	108	9.0%	4/7/2016	4/27/2025	179,861,111,112
Cộng					239,861,111,112

Vay dài hạn cá nhân:

Tên Cá nhân	Số hợp đồng vay/ Số kế ước	Ngày HĐ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số dư Gốc vay tại 30/9/2016
Ông Hoàng Trung	01.T2/2014/HDVV-DH	10/02/2014	60	0%	33,000,000
Thao	01.T3/2015/HDVV-DH	09/3/2015	60	0%	30,000,000
Cộng					63,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/9/2016			
Tại ngày 01/01/2016	114,000,000,000	5,151,188,777	119,151,188,777
Tăng vốn trong kỳ (*)	228,000,000,000	0	228,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	0	19,482,275,208	19,482,275,208
Tại ngày 30/9/2016	342,000,000,000	24,633,463,985	366,633,463,985

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/9/2016	01/01/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	342,000,000,000	114,000,000,000
Cộng	342,000,000,000	114,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	114,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm	228,000,000,000
+ Vốn góp giảm trong năm	0
+ Vốn góp cuối năm	342,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0

d. Cổ phiếu

	30/9/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34,200,000	1,140,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34,200,000	1,140,000
+ Cổ phiếu phổ thông	34,200,000	1,140,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại 30/9/2016: 10.000 đồng/ Cổ phiếu.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại 01/01/2016: 100.000 đồng/ Cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ
 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: đồng

	Quý III năm 2016	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47,221,398,636	128,385,956,150
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	15,591,050,501	50,677,713,057
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	31,630,348,135	77,708,243,093
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16,923,776	61,520,632
- Giảm giá hàng bán		9,090,909
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	16,923,776	52,429,723
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47,204,474,860	128,324,435,518
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng	15,591,050,501	50,677,713,057
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	31,613,424,359	77,646,722,461
4. Giá vốn hàng bán		
	Quý III	Từ 01/01/2016
	năm 2016	đến 30/9/2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14,903,318,946	48,217,063,072
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15,046,321,806	33,206,261,887
Cộng	29,949,640,752	81,423,324,959
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý III	Từ 01/01/2016
	năm 2016	đến 30/9/2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	981,551	5,493,895
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	192,183
Cộng	981,551	5,686,078
6. Chi phí hoạt động tài chính		
	Quý III	Từ 01/01/2016
	năm 2016	đến 30/9/2016
Chi phí lãi vay	6,694,612,816	19,797,997,414
Cộng	6,694,612,816	19,797,997,414

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III năm 2016	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	197,185,280	607,448,850
Chi phí vật liệu, bao bì	25,012,500	75,393,750
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7,313,634	63,867,333
Chi phí khấu hao TSCĐ	5,700,000	17,100,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,353,857	106,008,759
Chi phí bằng tiền khác	1,769,000	8,221,500
Cộng	246,334,271	878,040,192
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	547,621,775	1,404,253,171
Chi phí vật liệu, bao bì	251,023	251,023
Chi phí đồ dùng văn phòng	25,169,184	61,586,114
Chi phí khấu hao TSCĐ	277,142,262	698,578,274
Thuế, phí, lệ phí	4,108,800	44,408,960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	212,283,183	557,551,718
Chi phí bằng tiền khác	11,473,201	46,803,751
Cộng	1,078,049,428	2,813,433,011

8. Thu nhập khác

	Quý III năm 2016	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
Chênh lệch thu nhập lớn hơn chi phí từ thanh lý TSCĐ	0	1,582,139,918
Phạt vi phạm hợp đồng	0	60,000,000
Thu nhập khác	11,087,196	17,450,833
Cộng	11,087,196	1,659,590,751

9. Chi phí khác

	Quý III năm 2016	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	167,619,687	278,730,799
Truy thu tiền thuế GTGT theo quyết định thanh tra thuế	0	182,176,303
Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT	0	133,306,394
Tiền phạt vi phạm hành chính	0	24,956,059
Lãi chậm nộp bảo hiểm	0	2,082,883
Thuế GTGT được khấu trừ điều chỉnh giảm	12,579,959	12,579,959
Các khoản khác	740,000	6,379,736
Cộng	180,939,646	640,212,133

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III năm 2016	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,066,966,694	24,436,704,638
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9,066,966,694	24,436,704,638
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	(595,933,563)	(208,970,440)
Chi phí khấu hao TSCĐ không được trừ	56,347,500	98,379,167
Tiền phạt thuế	0	315,482,697
Phạt chậm nộp BHXH	0	2,082,883
Phạt vi phạm hành chính	0	24,956,059
Thuế GTGT được khấu trừ điều chỉnh giảm	12,579,959	12,579,959
Chi phí không có hoá đơn hợp lệ	0	2,602,000
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của tiền gửi ngoại tệ	0	(192,183)
Lỗi từ các năm trước chuyển sang	(664,861,022)	(664,861,022)
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	8,471,033,131	24,227,734,198
Hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị có lãi	9,061,471,825	24,802,729,268
Hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị bị lỗ	(590,438,694)	(574,995,070)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,812,294,365	4,960,545,853
Hoạt động sản xuất kinh doanh	1,812,294,365	4,960,545,853

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý III năm 2016	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,260,788,752	19,482,275,208
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7,260,788,752	19,482,275,208
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	34,200,000	34,200,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	212.30	569.66

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Quý III năm 2016	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7,260,788,752	19,482,275,208
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	7,260,788,752	19,482,275,208
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	34,200,000	34,200,000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	34,200,000	34,200,000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	212.30	569.66

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

13.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

13.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

13.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

3499
NG T
PH
ĐO
CH S
NG
N - T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2016			
Các khoản vay và nợ	100,190,540,296	162,347,259,879	262,537,800,175
Phải trả người bán	3,930,247,956	0	3,930,247,956
Chi phí phải trả	610,603,519	0	610,603,519
Các khoản phải trả khác	38,880,000	1,595,200,000	1,634,080,000
Cộng	104,770,271,771	163,942,459,879	268,712,731,650
Tại ngày 30/9/2016			
Các khoản vay và nợ	52,682,999,054	248,516,911,112	301,199,910,166
Phải trả người bán	6,080,653,627	0	6,080,653,627
Chi phí phải trả	315,344,494	0	315,344,494
Các khoản phải trả khác	228,880,000	1,521,500,000	1,750,380,000
Cộng	59,307,877,175	250,038,411,112	309,346,288,287

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng vào ngày 30/9/2016.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30/9/2016 và ngày 01/01/2016.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

Chỉ tiêu	Giá trị ghi sổ (đ)				Giá trị hợp lý (đ)	
	30/09/2016		01/01/2016		30/09/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,537,038,075	0	1,708,884,533	0	5,537,038,075	1,708,884,533
Phải thu khách hàng	18,010,543,791	0	12,919,378,163	0	18,010,543,791	12,919,378,163
Phải thu về cho vay	0	0	250,000,000	0	0	250,000,000
Cộng	23,547,581,866	0	14,878,262,696	0	23,547,581,866	14,878,262,696
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	301,199,910,166	0	262,537,800,175	0	301,199,910,166	262,537,800,175
Phải trả người bán	6,080,653,627	0	3,930,247,956	0	6,080,653,627	3,930,247,956
Chi phí phải trả	315,344,494	0	610,603,519	0	315,344,494	610,603,519
Phải trả khác	1,750,380,000	0	1,634,080,000	0	1,750,380,000	1,634,080,000
Cộng	309,346,288,287	0	268,712,731,650	0	309,346,288,287	268,712,731,650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/9/2016. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: đồng

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	330,440,618,840
Cộng	330,440,618,840

2. Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	291,778,508,849
Cộng	291,778,508,849

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

2. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch và số dư với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHÁCH SẠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 668, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng
 Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Tel: 02803 651 967 Fax: 02803 758 468

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đối tượng	Nội dung giao dịch	Dư tại 01/01/2016	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Dư tại 30/9/2016
Ông Nguyễn Văn Thanh - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tạm ứng		1,500,000,000		1,500,000,000
	Vay ngắn hạn	34,162,647,310	7,800,000,000	41,962,647,310	
	Góp vốn bằng tài sản	91,428,000,000	180,000,000,000		273,828,000,000
	Góp vốn bằng tiền		2,400,000,000		
Ông Nguyễn Văn Thảo - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng		18,297,552,817	2,200,000,000	16,097,552,817
	Vay ngắn hạn	5,450,960,000	1,500,000,000	6,950,960,000	
	Góp vốn bằng tiền	12,572,000,000	27,360,000,000		39,932,000,000
Bà Nguyễn Thu Giang - Thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	170,000,000	500,000,000	670,000,000	
	Góp vốn bằng tiền	9,500,000,000	18,240,000,000		27,740,000,000

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2016 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/9/2016 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn khách sạn Đông Á đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016 do kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/9/2015 không phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Mai Toan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Thanh